TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 68/2018/HS-PT
Ngày: 20 – 8 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tòng;

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2018/TLPT-HS ngày 13 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo Hà Kim H (B), Hà Ngọc D, Đoàn Thị Đ, Nguyễn Thị D1, Lê Ngân G, Đỗ Thị Kiều N (B1), Nguyễn Thị T, Ngô Thị T1, Đặng Hoàng V và Lê Quang Hoài V1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 43/2018/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Hà Kim H (B), sinh năm 1980 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị B; có chồng tên Nguyễn Văn T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

2/ Hà Ngọc D, sinh năm 1973 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị B; có chồng tên Mai Văn S và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

3/ Nguyễn Thị D1, sinh năm 1976 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị M; có chồng tên Phan Văn M và 01 con; tiền án: Không có; Tiền sự: Ngày 24/7/2016 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, ngày 30/7/2018 thi hành xong quyết định. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

4/ Đoàn Thị Đ, sinh năm 1986, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: tổ 2, ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị R; có chồng tên Mai Văn Đ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

5/ Lê Ngân G, sinh năm 1983 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: tổ 4, ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Thu V; có vợ tên Chung Thị T và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

6/ Đỗ Thị Kiều N (B1), sinh năm 1991 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi ĐKNKTT: Ấp 2, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn C (chết) và bà Huỳnh Thị Tuyết M; có chồng tên Nguyễn Văn T và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có. Nhân thân: Ngày 10/02/2012 bị tuyên phạt 15.000.000 đồng về tội "Đánh bạc", đã chấp hành xong bản án. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

7/ Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 tại tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồ B và bà Nguyễn Thị Hải L; có chồng tên Nguyễn Long H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

8/ Ngô Thị T1, sinh năm 1997 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Thành T và bà Nguyễn Thị Thu S; có chồng tên Tống Thành T và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

9/ Đặng Hoàng V, sinh năm 1993 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn R và bà Vũ Thị S; Vợ, con: Không có; tiền án: Không có; tiền sự: Ngày 12/2/2017 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 18/5/2017 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Nhân thân: Ngày 06/6/2016 bị xử phạt vi phạm hành

chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2018 đến ngày 30/4/2018; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

10/ Lê Quang Hoài V1, sinh năm 1994 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thiện Q và bà Nguyễn Thị Xuân L; Có vợ tên Trần Kim P, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Hà Kim H: Ông Trần Tố T – Luật sư Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị D1: Ông Trần Minh T1 – Luật sư Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/01/2018, tại khu vực ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh, Hà Kim H, Lê Ngân G, Nguyễn Thị T, Lê Quang Hoài V1, Đoàn Thị Đ, Hà Ngọc D, Đỗ Thị Kiều N, Nguyễn Thị D1, Ngô Thị T1, Đặng Hoàng V đang đánh bạc được thua bằng tiền thì bị bắt quả tang, thu giữ 03 bộ bài tây (loại 52 lá), 23.050.000 đồng và một số vật chứng khác.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã truy tố, cụ thể: H cung cấp bài tây cho các bị cáo còn lại chơi bài cào 03 lá để thu tiền xâu. Người chơi thay nhau làm nhà cái, người tham gia chơi mỗi ván bài đặt cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 12.720.000 đồng.

Bản án số 43/2018/HS-ST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Hà Kim H, Hà Ngọc D, Nguyễn Thị D1, Lê Ngân G, Đỗ Thị Kiều N, Nguyễn Thị T, Ngô Thị T1, Đặng Hoàng V và Lê Quang Hoài V1 phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Hà Kim H (B) 01 (một) năm tù. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Buộc bị cáo nộp số tiền phạt bổ sung một lần trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Kiều N (B1) 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D1 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Ngô Thị T1 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng V 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Đ 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Hà Ngọc D 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Ngân G 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Quang Hoài V1 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày bắt các bị cáo đi chấp hành án. Riêng bị cáo Đặng Hoàng V có khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 26/4/2018 đến 30/4/2018.

Ngoài ra án còn tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý lệnh kê biên, án phí, và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/6/2018 các bị cáo Hà Kim H, Hà Ngọc D, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Kiều N, Ngô Thị T1 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 05/6/2018, các bị cáo Lê Ngân G, Đặng Hoàng V, Lê Quang Hoài V1 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 08/6/2018, bị cáo Đoàn Thị Đ có đơn kháng cáo xin được chuyển hình phạt tù sang hình phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày: Các bị cáo tham gia đánh bạc với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 12.720.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật, đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm cho các bị cáo, xử phạt các bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội. Các bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận. Riêng bị cáo T đang mang thai nên đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo hưởng án treo.

Người bào chữa của bị cáo D1 trình bày: Bị cáo D1 là phụ nữ, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tham gia với số tiền không lớn, quá trình giải quyết vụ án bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là lao động chính trong gia đình. Ngoài ra bị cáo còn có mẹ được tặng thưởng huy chương.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được chuyển sang hình phạt tiền.

Người bào chữa của bị cáo của bị cáo H trình bày: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình giải quyết vụ án đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, ngoài ra bị cáo còn là lao động chính, trực tiếp nuôi mẹ chồng. Đề nghị Hội đồng xem xét cho bị cáo chuyển sang phạt tiền hoặc cho bị cáo hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo H: Bị cáo đã biết sai, xin được chuyển sang phạt tiền hoặc cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo D: Bị cáo trước nay không cờ bạc. Lần đầu lầm lỗi đã biết sai, xin chuyển sang phạt tiền.

Bị cáo D1: Bị cáo đã biết sai, từ sau không dám tái phạm. Xin được phạt tiền hoặc được hưởng án treo để có điều kiện ở nhà nuôi con.

Bị cáo Đ: Bị cáo là lao động chính trong nhà, xin được phạt tiền để có điều kiện ở nhà chăm lo gia đình.

Bị cáo G: Bị cáo là lao động chính trong nhà, xin được phạt tiền để có điều kiện ở nhà nuôi cha già và con nhỏ.

Bị cáo N: Bị cáo xin được phạt tiền hoặc được hưởng án treo để có điều kiện ở nhà nuôi con.

Bị cáo T: Bị cáo lần đầu phạm tội, bản thân còn đang mang thai nên xin được hưởng án treo.

Bị cáo T: Xin được xem xét cho hưởng án treo.

Bị cáo V: Xin được giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo.

Bị cáo V1: Xin được giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hà Kim H, Lê Ngân G, Nguyễn Thị T, Lê Quang Hoài V1, Đoàn Thị Đ, Hà Ngọc D, Đỗ Thị Kiều N, Nguyễn Thị D1, Ngô Thị T1, Đặng Hoàng V xác định vào ngày 04/01/2018 có tham gia đánh bạc được thua bằng tiền tại nhà của bị cáo H, riêng bị cáo H không tham gia đánh bạc mà cung cấp bài, địa điểm để thu tiền xâu từ 10.000 đến 20.000 đồng của người làm cái. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 12.720.000 đồng. Do đó cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội "đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo xin được chuyển hình phạt khác nhẹ hơn như phạt tiền hoặc hưởng án treo thấy rằng:

Về tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, mức độ tham gia đánh bạc của các bị cáo với tổng số tiền thu trên chiếu bạc không lớn chỉ có 600.000 đồng. Còn lại là thu trên người các bị cáo như bị cáo H dùng quán cà phê của mình là địa điểm, cung cấp bài để thu tiền xâu được số tiền 270.000 đồng. Các bị cáo khác đem số tiền dùng vào việc đánh bạc đều dưới 5.000.000 đồng, cao nhất 3.400.000 đồng, thấp nhất 250.000 đồng. Tuy nhiên nếu cộng tất cả số tiền trên chiếu bạc và trên người của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc thì cấp sơ thẩm tính tổng số tiền mà các bị cáo tham gia đánh bạc là chưa chính xác nhưng áp dụng nguyên tắc co lợi cho bị cáo, cấp phúc thẩm không điều chỉnh, do vậy cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo D1 có mẹ ruột là Bà Trần Thị M, đồng thời là mẹ chồng của bị cáo H, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Bị cáo Đ có bà Ngoại là Phan Thị T được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì được qui định tại điểm i, s khoản Điều 51; các bị cáo D1, H và Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những cơ sở nhận định nêu trên, xét tính chất, mức độ, vai trò, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù đối với tất cả các bị cáo là chưa phù hợp, có phần nghiêm khắc. Đối chiếu với quy định áp dụng đối với các bị cáo nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng kinh tế để áp dụng hình phạt đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật như sau:

Bị cáo H có vai trò cao nhất trong vụ án, cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 01 (một) năm tù là có cơ sở, không nặng. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 cho bị cáo hưởng án treo. Ngoài ra, cấp sơ thẩm tuyên phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng nhưng lại ấn định thời gian nộp phạt là chưa đúng với quy định của pháp luật, cần điều chỉnh cho phù hợp.

Các bị cáo N, Đ, D và V1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, mức độ tham gia không lớn, có khả năng kinh tế nên xem xét áp dụng hình phạt tiền.

Các bị cáo T, T và G phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng không có điều kiện kinh tế đảm bảo nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, tạo điều kiện cho các bị cáo ổn định cuộc sống, chăm lo gia đình. Miễn khấu trừ thu nhập đối với cả 03 bị cáo.

Các bị cáo D1 có tiền sự về hành vi đánh bạc. Bị cáo V có tiền sự về hành vi sử dụng ma túy, nhân thân xấu. Tuy nhiên, do mức độ tham gia số tiền không lớn nên xem xét giảm một phần hình phạt tù cho các bị cáo.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Kim H (B), Hà Ngọc D, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị T, Đỗ Thị Kiều N (B1), Ngô Thị T1, Lê Ngân G, Đặng Hoàng V, Lê Quang Hoài V1 và Đoàn Thị Đ. Sửa bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Hà Kim H (B)** 01 *(một)* năm tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách là 02 *(hai)* năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 *(mười triệu)* đồng.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Đỗ Thị Kiều N (B1)** 25.000.000 *(hai mươi lăm triệu)* đồng về tội "Đánh bạc".

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Đoàn Thị Đ** 20.000.000 *(hai mươi triệu)* đồng về tội "Đánh bạc".

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Hà Ngọc D** 20.000.000 *(hai mươi triệu)* đồng về tội "Đánh bạc".

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Lê Quang Hoài V1** 20.000.000 *(hai mươi triệu)* đồng về tội "Đánh bạc".

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Ngô Thị T1** 09 *(chín)* tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh

bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** 06 *(sáu)* tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Lê Ngân G** 06 *(sáu)* tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị D1** 06 *(sáu)* tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Đặng Hoàng V 06** *(sáu)* tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/4/2018 đến 30/4/2018.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Vân

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh TN;
- CQHSNVCS CA huyện;
- TAND cấp huyện;
- VKSND cấp huyện;
- Bị cáo;
- Lưu THS, hồ sơ vụ án.